

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 16/2021/DS-PT

Ngày 29/4/2021

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Bằng

Bà Phạm Thị Mai Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 29/4/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2021/TLPT-DS ngày 06/01/2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2021/QĐ-PT ngày 15/3/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐ-PT ngày 31/3/2021, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 25/2021/TB-TA ngày 07/4/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Vũ Chí C, sinh năm 1960.

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Chí C: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966.

Đều ở địa chỉ: Khu đô thị V, khu dân cư H, phường S, thành phố L, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Lưu Quang X, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Số nhà Q, khu dân cư G, phường S, thành phố L, tỉnh Hải Dương.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn là ông Lưu Quang X.

Tại phiên tòa có mặt bà T, ông X; vắng mặt ông C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án dân sự sơ thẩm và các tài liệu trong hồ sơ, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị T là nguyên đơn, đồng thời là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Vũ Chí C trình bày:

Ngày 12/7/2019, vợ chồng ông Vũ Chí C và bà Nguyễn Thị T cho ông Lưu Quang X vay số tiền 100.000.000 đồng, không tính lãi và không có thời hạn, khi nào ông C và bà T có việc cần tiền đòi thì ông X phải trả. Ông X là người trực tiếp nhận số tiền vay từ bà T tại nhà ông C, bà T và có viết giấy biên nhận đưa cho bà T, ông C giữ. Đến ngày 08/8/2019, do có việc cần tiền nên ông C và bà T gọi điện cho ông X để yêu cầu ông X trả nợ nhưng ông X khất nợ. Sau này, nhiều lần bà T và ông C đòi nợ nhưng ông X không trả. Bà T cũng đã làm đơn đến chính quyền khu dân cư G và Công an phường S, thành phố L để nhờ can thiệp việc đòi nợ nhưng ông X vẫn không trả nợ. Nay, ông C và bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông X phải trả ông bà số tiền đã vay nêu trên và không yêu cầu ông X phải trả tiền lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lưu Quang X là bị đơn trình bày :

Ông X thừa nhận ngày 12/7/2019, ông có vay của bà T số tiền 100.000.000 đồng và viết giấy biên nhận đưa cho bà T giữ, việc vay tiền này là vay cho cá nhân ông, vợ ông là bà Nguyễn Thị B không biết và không liên quan. Ông xác định số tiền trên ông vay của bà T, không liên quan đến ông C nên ông C không có quyền khởi kiện ông. Trong giấy biên nhận vay tiền không ghi lãi suất và thời hạn trả nợ nhưng thực tế giữa ông và bà T đã thỏa thuận bằng miệng về lãi suất và thời hạn trả nợ. Theo đó, thời hạn vay tiền là 10 năm, khi vay tiền ông X chỉ nhận của bà T số tiền 50.000.000 đồng, số tiền 50.000.000 đồng còn lại bà T đã khấu trừ trước vào tiền lãi mà ông X phải chịu trong thời hạn 05 năm kể từ ngày ký giấy biên nhận vay tiền. Còn 05 năm tiếp theo thì ông X phải trả tiền lãi mỗi quý là 3.000.000 đồng. Khi đủ thời hạn 10 năm thì ông X phải thanh toán cho bà T số tiền 100.000.000 đồng theo giấy biên nhận vay tiền nêu trên. Thỏa thuận về việc vay tài sản giữa hai bên đang được thực hiện, bà T chưa có quyền khởi kiện ông nên ông chưa trả tiền cho bà T.

Tại Bản án số 04/2020/DS-ST ngày 10/9/2020, Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh đã quyết định: Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều, 468, khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Chí C và bà Nguyễn Thị T. Buộc ông Lưu Quang X phải trả ông Vũ Chí C và bà Nguyễn Thị T số tiền 100.000.000 đồng. Về lãi suất: Không giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm, lãi suất chậm thi hành án, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 24/9/2020, ông X kháng cáo bản án sơ thẩm do không đảm bảo tính khách quan theo quy định của pháp luật.

Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm: Ông X trình bày nội dung kháng cáo cho rằng ông chỉ vay nợ bà T, không liên quan đến ông C nên ông C không có quyền khởi kiện ông, cấp sơ thẩm vẫn thụ lý vụ án và xác định ông C là nguyên đơn là không đúng. Trường hợp này Tòa án phải căn cứ vào Thông tư số 07/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ để phân loại và xử lý đơn khởi kiện, yêu cầu bà T làm lại đơn khởi kiện đứng tên một mình bà T là nguyên đơn mới đúng quy định của pháp luật. Ông X xác định giấy biên nhận ngày 12/7/2019 là hợp đồng kinh tế, ai vi phạm thì người đó phải chịu trách nhiệm bồi thường. Thực tế ông và bà T đã có những nội dung thỏa thuận bên ngoài, không ghi trong giấy biên nhận như ông đã trình bày tại cấp sơ thẩm, việc vay tiền đang được thực hiện mà bà T đã vi phạm thỏa thuận, không thông báo trước một thời gian hợp lý. Ông đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại đơn khởi kiện của bà T, kiểm tra việc thụ lý đơn khởi kiện, nếu đúng quy định pháp luật thì ông đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, nếu đơn khởi kiện không đúng thì ông đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông X vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Ông X đề nghị thay đổi Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa phúc thẩm do cho rằng tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Thẩm phán triệu tập ông đến trình bày nội dung kháng cáo nhưng sau đó lại ban hành ngay quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm và tổng đạt cho ông là không đảm bảo tính khách quan.

Bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông X.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Lưu Quang X. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 10/9/2020 của TAND thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Ông X được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đối với yêu cầu của ông X về thay đổi Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa phúc thẩm: Hội đồng xét xử xét thấy ngày 06/01/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý vụ án dân sự phúc thẩm tranh chấp về hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn ông Vũ Chí C, bà Nguyễn Thị T, bị đơn ông Lưu Quang X. Theo Điều 286 Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm là 02 tháng kể từ ngày thụ lý vụ án; đối với vụ án có tính chất phức tạp thì có thể kéo dài thời hạn chuẩn bị xét xử, nhưng không được quá 01 tháng. Trong thời hạn này, Tòa án cấp phúc thẩm ra một trong các quyết định, trong đó có quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Ngày 15/3/2021, Tòa án cấp phúc thẩm ra quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm là phù hợp quy định pháp luật, không có căn cứ chứng minh Thẩm phán được phân công làm Chủ tọa phiên tòa không khách quan khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 56 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông X về thay đổi Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa phúc thẩm.

Kháng cáo của bị đơn ông X trong hạn luật định và đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo là hợp lệ.

Tại phiên tòa vắng mặt ông C nhưng ông C đã có người đại diện theo uỷ quyền có mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông C.

[2] Xét các nội dung kháng cáo của ông Lưu Quang X.

Về trình tự, thủ tục thụ lý đơn khởi kiện, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, quyền khởi kiện, xác định tư cách đương sự tại cấp sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 07/2014/TT-TTCT ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ thì phạm vi điều chỉnh của Thông tư quy định việc tiếp nhận, phân loại, xử lý đối với đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh. Ông C và bà T có đơn khởi kiện về tranh chấp dân sự đến Tòa án nên đơn khởi kiện không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư số 07/2014/TT-TTCT ngày 31/10/2014

của Thanh tra Chính phủ mà thuộc phạm vi điều chỉnh của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông X trình bày ông vay tiền với mục đích kinh doanh, ông đã có giấy phép kinh doanh nên xác định giấy biên nhận ngày 12/7/2019 là hợp đồng kinh tế nhưng căn cứ nội dung giấy biên nhận ngày 12/7/2019, ông C, bà T là cá nhân không có đăng ký kinh doanh cho vay tiền nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa ông C, bà T và ông X là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông C và bà T là vợ chồng hợp pháp, ông bà đều xác định vợ chồng không ai có tài sản riêng và cũng không có thỏa thuận khác về việc xác định tài sản riêng, số tiền cho ông X vay ngày 12/7/2019 là tài sản chung của vợ chồng được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, trước khi cho ông X vay tiền ông bà đều bàn bạc và trao đổi trước với nhau. Do vậy, ông C và bà T đều có quyền cùng làm đơn khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ Điều 186, khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định ông C, bà T là nguyên đơn là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Ông C, bà T và ông X đều xác định ngày 12/7/2019, bà T trực tiếp cho ông X vay số tiền 100.000.000 đồng, ông X viết giấy biên nhận thể hiện việc vay tài sản để sử dụng vào việc riêng, không có thời hạn và không có lãi. Ông X trình bày giữa ông và bà T có thỏa thuận bằng miệng về lãi và thời hạn vay, hợp đồng vay tài sản giữa hai bên đang được thực hiện, chưa đến hạn ông phải trả nợ, nhưng ông C và bà T không thừa nhận việc này. Mặt khác, ngoài lời khai, ông X cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh về việc thỏa thuận trên nên không có căn cứ để chấp nhận lời khai của ông X về nội dung này. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và không có lãi, bà T có quyền đòi nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho ông X biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Sau khi cho ông X vay tiền, ông C, bà T đòi nợ nhưng ông X không trả. Đại diện Khu dân cư G và Công an phường S, thành phố L cũng xác định việc trước khi khởi kiện đến Tòa án, bà T đã làm đơn yêu cầu giải quyết về việc đòi nợ nhưng ông X vẫn không trả tiền cho ông C, bà T. Do vậy, việc ông C, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông X phải trả ông bà số tiền 100.000.000 đồng đã vay là có căn cứ nên được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông X, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Ông X kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nhưng do ông X là người cao tuổi nên được miễn án phí.

[4] Các nội dung khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị, không được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 148, khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lưu Quang X. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

2. Về án phí: Ông X được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các nội dung khác của bản án không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND TP Chí Linh;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Chí Linh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Thanh